

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DS – ST
Ngày 30 – 8 – 2017.
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
- Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Ngôn;

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 54/2017/TLST – DS ngày 10 tháng 4 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2017/QĐST – DS ngày 04/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: Ấp TT, xã VT, huyện CT, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1947

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977

Bà Lưu Thị Minh S, sinh năm 1978

Địa chỉ cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 05/4/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị B trình bày:***

Bà và bà Lưu Thị Minh S có quan hệ quen biết trước. Do bà S cần tiền để bổ sung vốn buôn bán nên có hỏi vay tiền của bà. Ngày 02/9/2016, bà mang 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào nhà bà S để giao. Khi giao tiền thì có mặt ông Nguyễn Thanh T (Là chồng bà S), ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M (Là cha mẹ ruột của ông T). Ông T là người viết giấy nhận nợ cho bà và ông T, bà M, bà S, ông T cùng thống nhất ký tên vào giấy nhận nợ ngày 02/9/2017. Thời hạn vay theo tờ nhận nợ là đến ngày 30/10/2016, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Khi vay thì ông T, bà S, ông T và bà M không thể chấp tài sản nào để đảm bảo nợ vay. Sau khi nhận tiền, thì ông T, bà M, ông T, bà S chưa nộp lãi cho bà lần nào. Đến hạn trả nợ ông T, bà M, ông T và bà S vẫn không trả vốn và lãi. Bà nhiều lần đến nhà của ông T, bà M, ông T, bà S để yêu cầu trả nợ, họ có hứa hẹn nhưng không thực hiện. Nay, do thời hạn thanh toán nợ đã hết nhưng ông T, bà M, ông T và bà S vẫn không trả vốn và lãi nên bà yêu cầu Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh T, bà Lưu Thị Minh S cùng liên đới trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền là 118.340.000đ (Một trăm mười tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó, có tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi trong hạn là 3.340.000 đồng từ ngày 02/9/2016 đến ngày 30/10/2016 và tiền lãi quá hạn là 15.000.000 đồng tính từ ngày 30/10/2016 đến ngày 30/4/2017. Yêu cầu ông T, bà M, ông T và bà S phải tiếp tục trả lãi quá hạn từ ngày 31/4/2017 đến khi vụ án được giải quyết xong.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Ông T, bà M, ông T và bà S vắng mặt không có lý do.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào Tờ nhận nợ ngày 02/9/2016, Bà B yêu cầu ông T, bà M, ông T và bà S có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền đã vay là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 02/9/2016 đến ngày vụ án được giải quyết xong với lãi suất là 0,3%/tháng. Yêu cầu của bà B là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị B với các ông bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh T, Lưu Thị Minh S là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ là xác định tình trạng cư trú của các bị đơn và được Công an phường M cung cấp thông tin: “Ông T, bà M, ông T và bà S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Hiện nay, ông T và bà M có mặt ở nhà, riêng ông T và bà S thì đi làm ăn ở nơi khác, thỉnh thoảng có về nhà (Đi đi về về tại địa chỉ trên)”. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt trực tiếp và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, các bị đơn vẫn không có mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà M, ông T và bà S.

Về nội dung:

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp bản chính Tờ nhận nợ ngày 02/9/2016. Nội dung Tờ nhận nợ ngày 02/9/2016 thể hiện, ông T, bà M, ông T và bà S có mượn của bà B số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), thỏa thuận thời hạn trả là đến ngày 30/10/2016 và nộp lãi 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mỗi tháng.

[4] Quá trình giải quyết, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo về thời gian Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T, bà M, ông T và bà S vẫn không có mặt để trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà B cũng như không có ý kiến đối với chứng cứ Tờ nhận nợ đề ngày 02/9/2016 mà Tòa án đã thông báo cho bị đơn bằng Thông báo số 49/2017/TB – TA, ngày 16/6/2017 về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Như vậy, ông T, bà M, ông T và bà S đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định tại các Điều 70, Điều 72.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào lời khai và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[5] Xét thấy, giữa bà B và ông T, bà M, ông T, bà S đã xác lập giao dịch dân sự là quan hệ hợp đồng vay tài sản có lãi và có thời hạn thông qua Tờ nhận nợ đề ngày 02/9/2016. Do thời điểm các bên xác lập quan hệ hợp đồng, Bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 471, 473, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết.

[6] Bà B trình bày, sau khi nhận đủ tiền vay, ông T, bà M, ông T và bà S không nộp tiền lãi cho bà và không trả vốn khi hết thời hạn thỏa thuận. Bà nhiều lần đến nhà nhắc nhở, yêu cầu ông T, bà M, ông T, bà S trả nợ nhưng phía ông T, bà M, ông T và bà S vẫn không thanh toán tiền cho bà. Như vậy, ông T, bà M, ông T và bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên cho vay, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Nguyên đơn xác định, quá trình thực hiện hợp đồng vay phía ông T và bà M, ông T và bà S không nộp lãi lần nào. Tại phiên tòa, bà B xác định chỉ yêu cầu ông T, bà M, ông T và bà S trả lãi cho bà từ khi ký nhận nợ là ngày 02/9/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với lãi suất là 0,3%/tháng. Số tiền lãi cụ thể bà B yêu cầu là:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 0,3\% \times 11 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 3.580.000 \text{ đồng}$ (Ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Như vậy, yêu cầu của bà B về lãi suất là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên và thấp hơn so với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà Huỳnh Thị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.960.000 đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015339 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh T và bà Lưu Thị Minh S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 5.179.000 đồng (Năm triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 147, Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 471, Điều 473, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh T và bà Lưu Thị Minh S.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị B về việc yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn (Từ ngày 02/9/2016 đến ngày 30/10/2016) là 3.340.000 đồng và tiền lãi quá hạn tạm tính (Từ ngày 30/10/2016 đến ngày 30/4/2017) là 15.000.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị B.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh T và bà Lưu Thị Minh S phải liên đới trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền là 103.580.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó bao gồm tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 3.580.000 đồng.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà Huỳnh Thị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.960.000 đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015339 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh T và bà Lưu Thị Minh S phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 5.179.000 đồng (Năm triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Huỳnh Thị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Thanh T và bà Lưu Thị Minh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.L;
- THADS TP.L;
- Lưu VP, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Phạm Xuân Khanh